|  |  |
| --- | --- |
| TỔNG CÔNG TY  CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP  **CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ NỘI BÀI** | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: .............../CHKNB-KTG  V/v: Mời Báo giá | *Hà Nội, ngày tháng năm 2024* |

Kính gửi: Quý đơn vị/doanh nghiệp

Cảng hàng không quốc tế Nội Bài đang có kế hoạch triển khai thực hiện dự án: “Đầu tư thang máy sảnh E tại nhà ga hành khách T1 – Cảng hàng không quốc tế Nội Bài”. Chúng tôi trân trọng kính mời Quý đơn vị/doanh nghiệp có đủ năng lực, kinh nghiệm cung cấp báo giá cụ thể như sau:

1. Tên dự án: “Đầu tư thang máy sảnh E tại nhà ga hành khách T1 – Cảng hàng không quốc tế Nội Bài”.

2. Nội dung chính của dự án: Thực hiện lắp mới 01 thang máy khu vực công cộng sảnh E tại nhà ga hành khách T1 – Cảng HKQT Nội Bài.*(Chi tiết xem biểu đính kèm)*.

3. Mục đích báo giá: Để có cơ sở lập dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Cảng hàng không quốc tế Nội Bài kính mời các đơn vị/doanh nghiệp, nhà cung cấp có nhu cầu quan tâm khảo sát (nếu cần) và cung cấp báo giá cho chúng tôi.

4. Thời gian nhận báo giá: Trước 16h00 ngày 21/08/2024

5. Thông tin tiếp nhận báo giá:

- Tên đơn vị nhận báo giá: Trung tâm Khai thác ga Nội Bài – Cảng hàng không quốc tế Nội Bài.

- Địa chỉ: Tầng 3, Nhà ga T1, Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

- Số điện thoại liên hệ: 0853464999 (Mr. Cường).

- Email: trancuongktg@gmail.com (các đơn vị/nhà cung cấp gửi file scan bản báo giá qua email trên).

Trân trọng thông báo.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***   * Như trên; * Lưu KTG; | **TL. GIÁM ĐỐC**  **TUQ. GIÁM ĐỐC TT KHAI THÁC GA NỘI BÀI** |

**PHỤ LỤC**

MẪU BÁO GIÁ

**Kính gửi: Cảng hàng không quốc tế Nội Bài**

Theo yêu cầu của Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, chúng tôi, Công ty\_\_\_\_\_\_báo giá cho dự án: “Đầu tư thang máy sảnh E tại nhà ga hành khách T1 – Cảng hàng không quốc tế Nội Bài” như sau:

| **TT** | **Tên hàng hóa/dịch vụ** | **Quy cách và thông số kỹ thuật** | **Ký hiệu, mã hiệu, nhãn mác sản phẩm** | **Nguồn gốc, xuất xứ** | **Thời hạn bảo hành** | **Số lượng** | **Đơn vị tính** | **Đơn giá** | **Thành tiền trước thuế** | **Thuế GTGT** | | **Thành tiền sau thuế** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **8%** | **10%** |
| I | **Hàng hóa** | | | | | | | | | | | |
| 1 | Thang máy | - Loại thang máy: Thang máy chở người, không phòng máy; - Tải trọng: 1600kg; - Tốc độ tối thiểu: 60m/phút (1.0m/giây); - Số điểm dừng: 2 điểm dừng; - Tầng phục vụ: Tầng 1, 2; - Kích thước hố (giếng) thang máy: Thông thủy (rộng x sâu) 2690 x 3250mm; - Chiều sâu hố PIT: Tối thiểu 1470mm; - Chiều cao đỉnh hố thang (OH): 5900mm; - Chiều cao hành trình: 7200mm; - Kích thước thông thủy buồng thang máy (Rộng x Sâu x Cao): Tối thiểu 1500 x 2100 x 2100mm; - Kích thước thông thủy (lọt sáng) cửa tầng và cửa buồng thang máy (Rộng x Cao): 1100 x 2100 mm; - Động cơ chính (máy kéo): Công suất: 11,7 KW; Loại nam châm vĩnh cửu, có phanh, không có hộp số; |  | EU hoặc Nhật Bản | Tối thiểu 12 tháng | 01 | Bộ |  |  |  |  |  |
| 2 | Camera | - Độ phân giải: 2MP  - Cảm biến ảnh: 1/2.9″ CMOS  - Chuẩn nén H.264, MJPEG  - Ống kính từ 3mm đến 9mm  - Độ nhạy sáng 0.12 lux  - Góc quan sát H: 37° x 106°, V 21° x 55°;  - Nguồn +12 VDC ±5%, 240 VAC ±10% hoặc Power-over-Ethernet (48 VDC nominal) |  |  | Tối thiểu 12 tháng | 01 | Bộ |  |  |  |  |  |
| 3 | Kính cường lực an toàn | Gồm 2 lớp kính cường lực, chiều dày mỗi lớp 6,38mm, chiều dày lớp dán 1,52mm  - Kích thước:  + 2760 x 800 (cao x rộng): 1 tấm  + 2760 x 1050 (cao x rộng): 1 tấm  + 590 x 1310 (cao x rộng): 1 tấm  + 2470 x 800 (cao x rộng): 1 tấm  + 2470 x 1050 (cao x rộng): 1 tấm  + 300 x 1310 (cao x rộng): 1 tấm |  |  | Tối thiểu 12 tháng | 10,85 | m2 |  |  |  |  |  |
| 4 | Phụ kiện thanh chắn xe đẩy | - Vật liệu: Inox SUS304.  - 02 bịt đầu tròn D50mm  - 01 chân đến Kích thước D80xR60xH180mm, dày 8mm  - 04 bulong M10 |  |  | Tối thiểu 12 tháng | 2 | Bộ |  |  |  |  |  |
| 5 | Tấm ốp inox cửa tầng | - Vật liệu: Inox xước SUS304.  - Độ dầy Inox: 2mm  - Tổng diện tích 12,4 m2  (Thiết kế theo yêu cầu của cửa thang máy mới) |  |  | Tối thiểu 12 tháng | 0,196 | Tấn |  |  |  |  |  |
| 6 | Cáp tín hiệu Intercom | - UTP Cat6  - Băng thông tối đa: 250 MHz  - Vỏ cáp: PVC  - Đường kính ngoài: 6,2mm  - Điện dung cách điện: 5.6 nF/100 mét |  |  | Tối thiểu 12 tháng | 453 | m |  |  |  |  |  |
| 7 | Cáp tín hiệu Camera | - Cáp quang PKL 4FO - Singlemode |  |  | Tối thiểu 12 tháng | 120 | m |  |  |  |  |  |
| 8 | Ống thép luồn cáp | - Vật liệu: Thép mạ kẽm  - Kích thước: 25 x 1mm (Đường kính x độ dầy)  (Đã bao gồm cả đầu nối) |  |  | Tối thiểu 12 tháng | 573 | m |  |  |  |  |  |
| 9 | Sơn Epoxy | - Hệ sơn 2 thành phần  - Độ nhớt ≥85  - Tỉ trọng(g/ml): 1,40 -1,60  - Thời gian khô bề mặt: ≤2h  - Tổng diện tích cần sơn: 34,95 m2 |  |  | Tối thiểu 12 tháng | 4 | lít |  |  |  |  |  |
| 10 | Đá Granite | - Đá granite tự nhiên.  - Chiều dày ≥18mm. |  |  | Tối thiểu 12 tháng | 2,74 | m2 |  |  |  |  |  |
| II | **Dịch vụ liên quan** | | | | | | | | | | | |
| 1 | Chi phí tháo dỡ. Bao gồm:  - Tháo dỡ 16,52m2 kính cường lực dầy 10mm.  - Tháo dỡ 27m2 tấm nhựa aluminium tại trần và hố thang máy.  - Vận chuyển, nhập kho G5 (Khoảng cách 2km). | |  |  |  | 1 | Gói |  |  |  |  |  |
| 2 | Chi phí sửa chữa, lắp đặt, kết nối với các hệ thống sẵn có. Bao gồm:  - Lắp đặt thang máy, vận hành chạy thử, kiểm định, đào tạo, chuyển giao công nghệ.  - Lắp đặt 10,85 m2 kính cường lực dầy 14,28mm.  - Lắp đặt 12,4 m2 (0,196 tấn) tấm ốp inox cửa tầng thang máy mới.  - Lắp đặt 573m dây cáp tín hiệu các loại đi trong 573m ống thép.  - Sửa chữa thanh chắn xe đẩy phù hợp với cửa thang máy mới (Có bản vẽ kèm theo)  - Sơn 34,95 m2 sàn, nền bề mặt bê tông hố pit bằng sơn Epoxy.  - Thay thế 2,74 m2 gạch cửa tầng bằng đá Granite.  - Kết nối điều khiển thang máy mới với hệ thống báo cháy của nhà ga tại vị trí hố thang.  - Kết nối intercom của thang máy mới với phòng giám sát trung tâm tại khu C, tầng 3, nhà ga hành khách T1.  - Lắp đặt và kết nối Camera tại buồng thang máy mới với hệ thống Camera (CCTV) có sẵn của nhà ga. Cáp tín hiệu kết nối giữa buồng máy và buồng điện E01L tại sảnh E, hình ảnh camera trong buồng thang máy được truyền đến phòng giám sát trung tâm tại khu C, tầng 3, nhà ga hành khách T1  (Bao gồm tất cả các phụ kiện khác để hoàn thành việc sửa chữa, lắp đặt, kết nối). | |  |  | Tối thiểu 12 tháng | 1 | Gói |  |  |  |  |  |
| 3 | Chi phí biện pháp thi công. Bao gồm:  - Bịt kín vách ngăn với thang máy hiện có để đảm bảo an toàn thi công: Diện tích cần bịt kín 43,56m2, cao 13,2m, khung xương đảm bảo chắc chắn.  - Quây che tại tầng 1, tầng 2 bằng vách cứng. Diện tích cần quây che: 64,44m2; chiều cao quây che 3m. | |  |  |  | 1 | Gói |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** | | | | | | | | | | |  |

Bằng chữ: ................................................................

Các điều kiện thương mại:

1. Hình thức hợp đồng: Trọn gói.
2. Thời hạn cung cấp hàng hóa, dịch vụ: Trong vòng \_\_\_\_\_ ngày.
3. Điều kiện thanh toán / tạm ứng:

- Tạm ứng: Nhà thầu có thể tạm ứng hoặc không tạm ứng; Trong trường hợp Nhà thầu có nhu cầu tạm ứng thì mức tạm ứng tối đa là 20% giá trị hợp đồng và Nhà thầu phải nộp bảo lãnh tiền tạm ứng. Việc thu hồi tiền tạm ứng sẽ được khấu trừ khi thanh toán.

- Thanh toán: Thanh toán 100% giá trị phần công việc được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng trong vòng 14 ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu công việc hoàn thành và hồ sơ quyết toán theo quy định của nhà nước.

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

1. Địa điểm giao hàng: Nhà ga T1, Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội
2. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: (tối thiểu 120 ngày) ngày kể từ ngày phát hành báo giá.

............, ngày ..... tháng ..... năm 2024

**Đại diện Công ty**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*